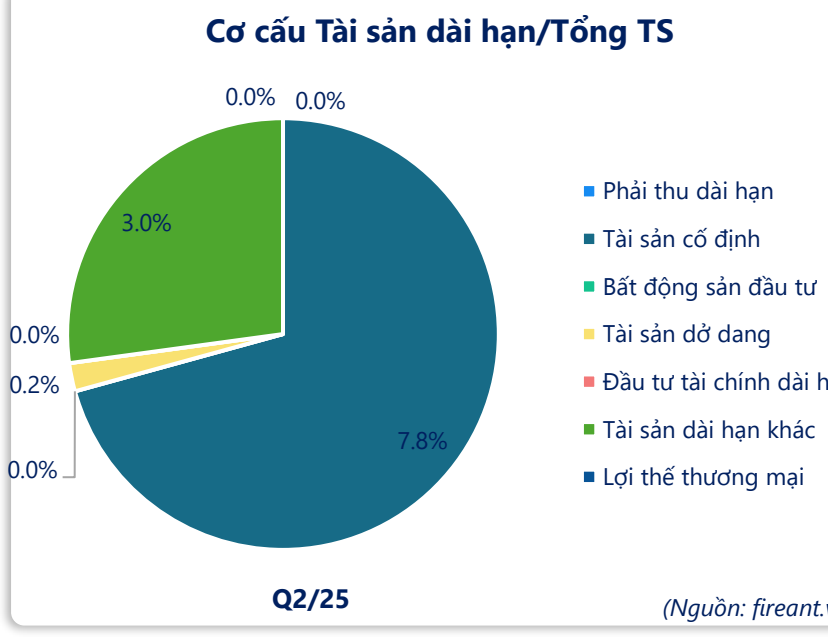
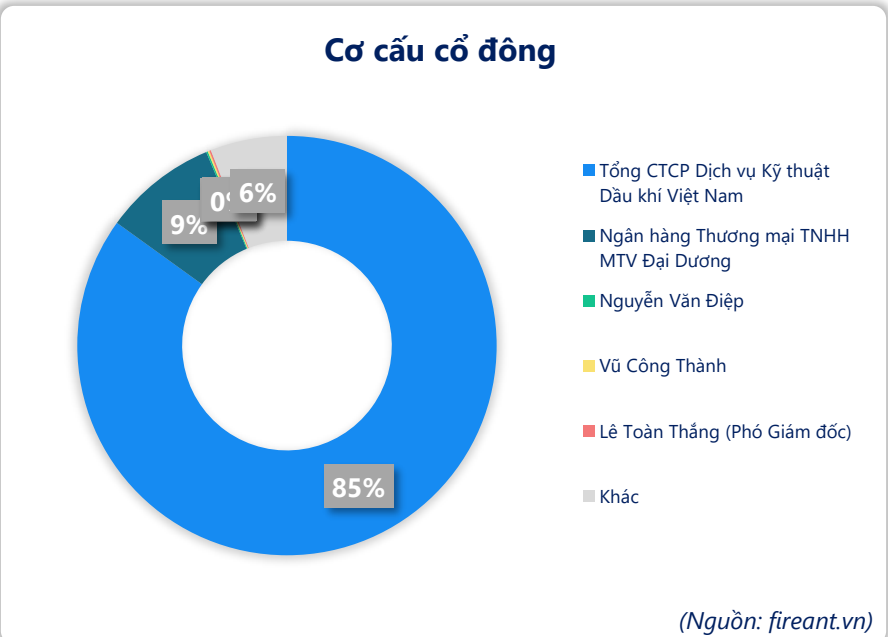
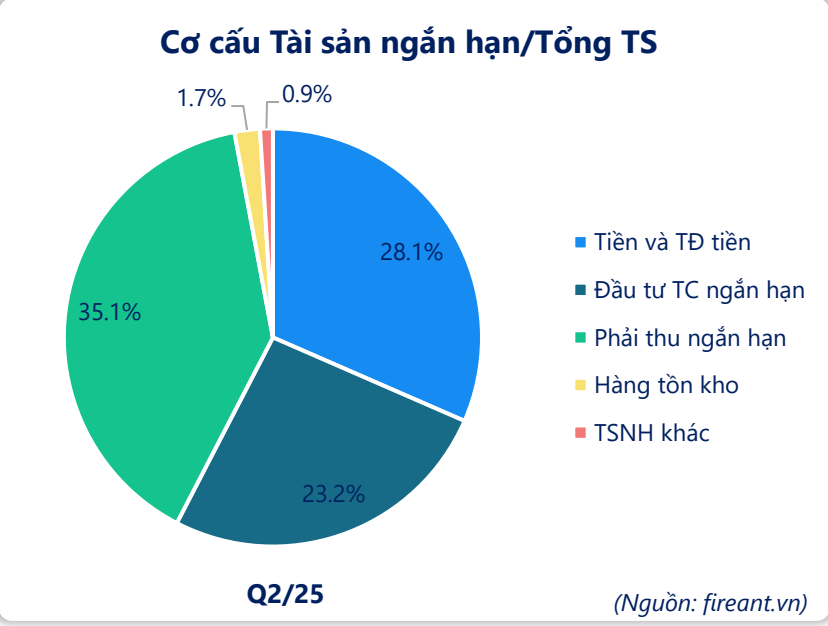
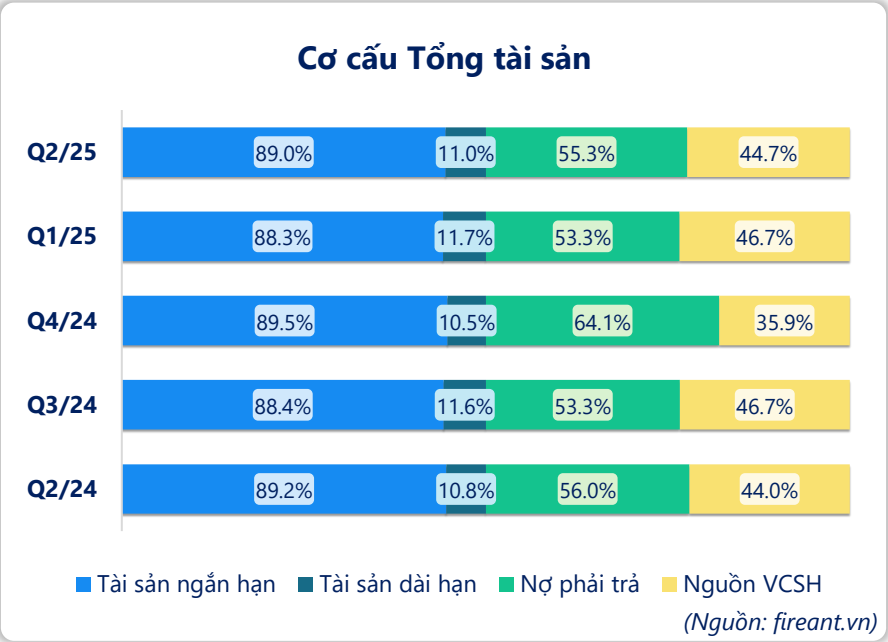
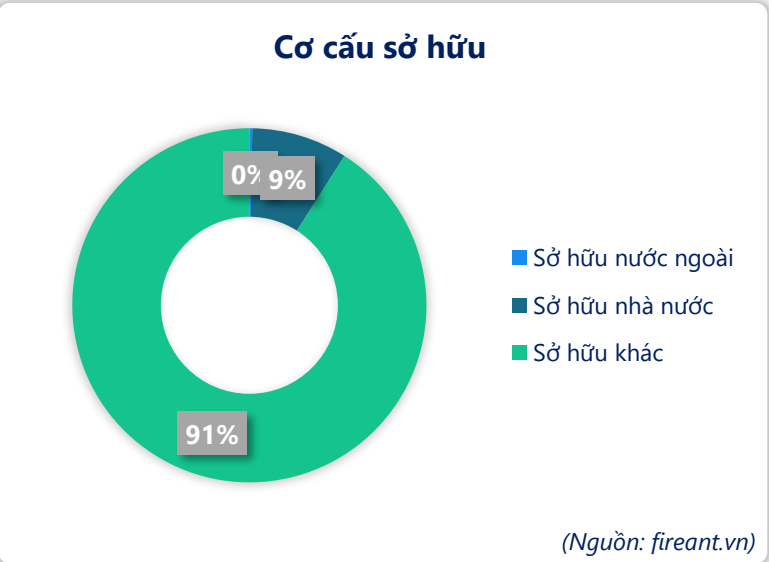
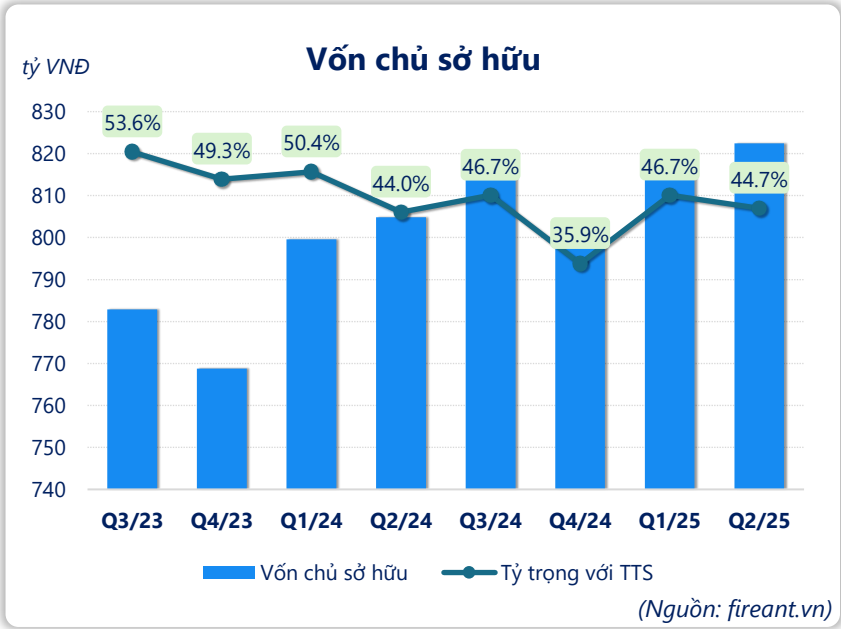
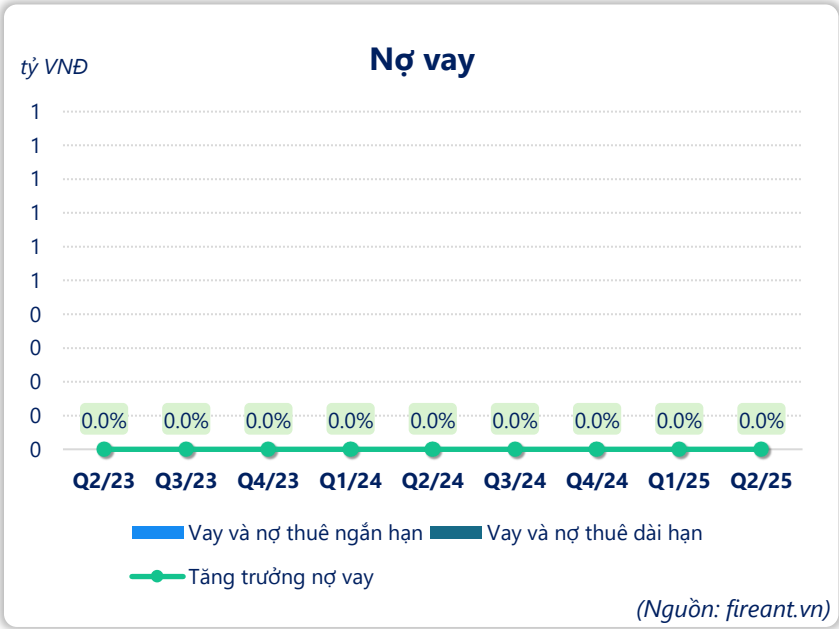
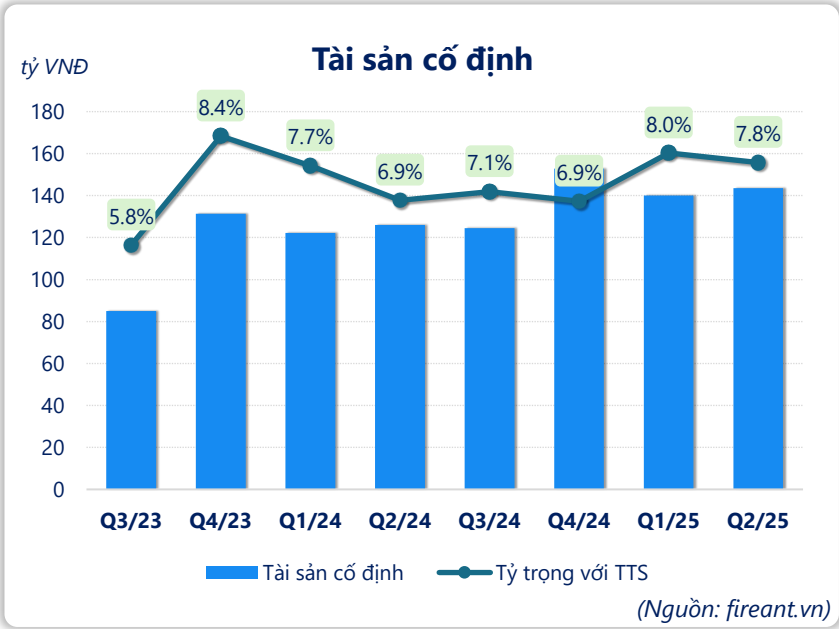
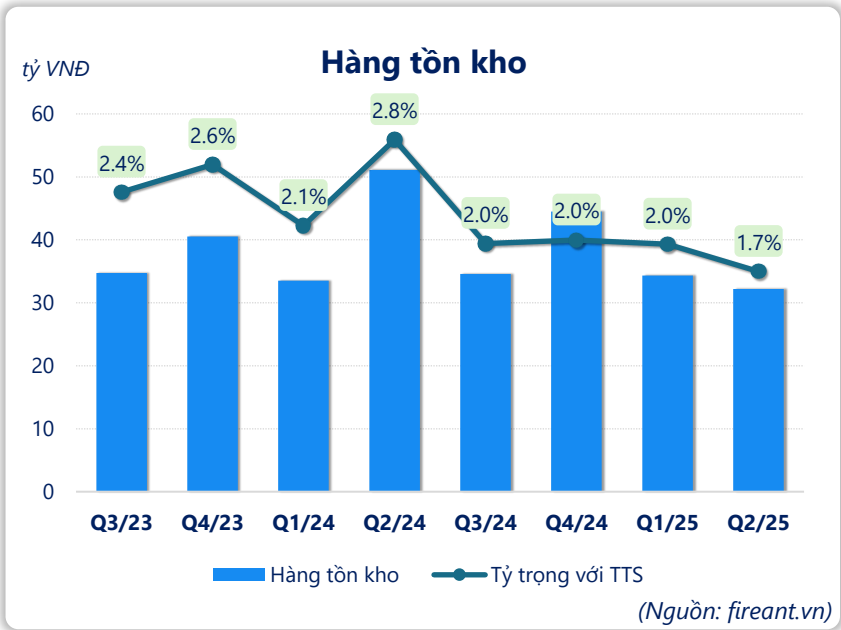
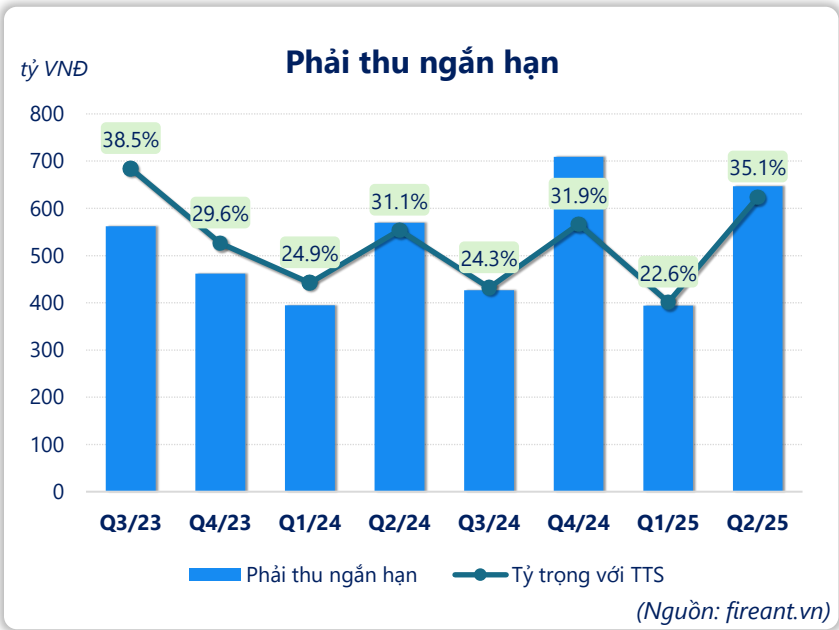
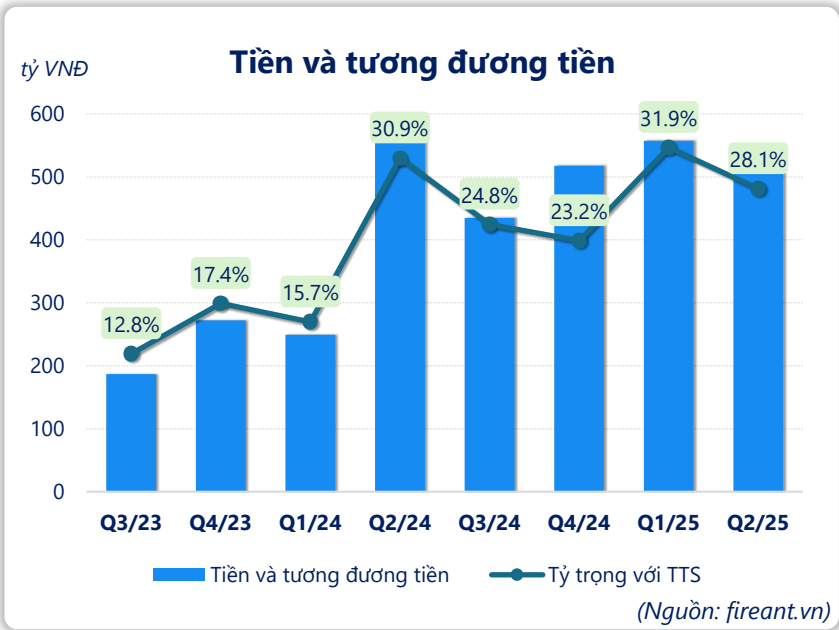
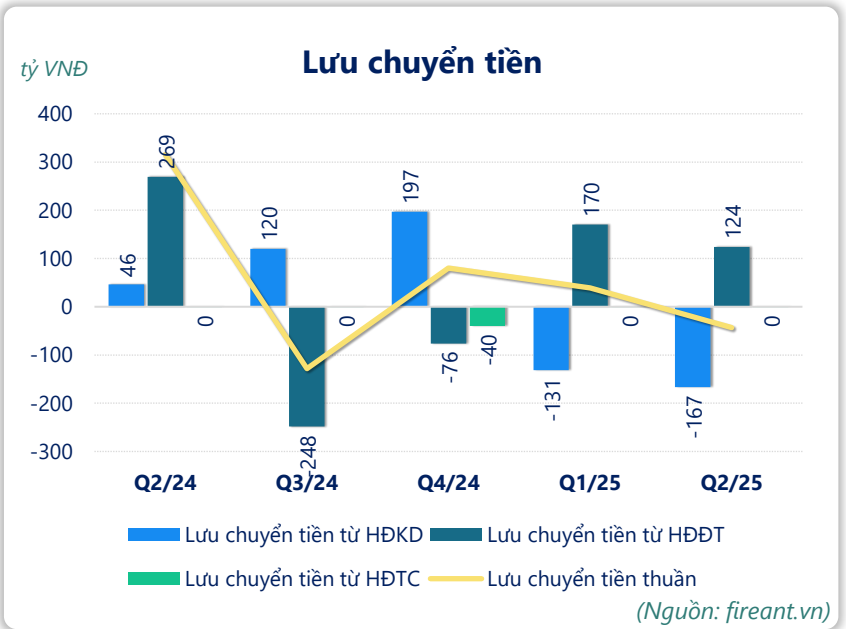
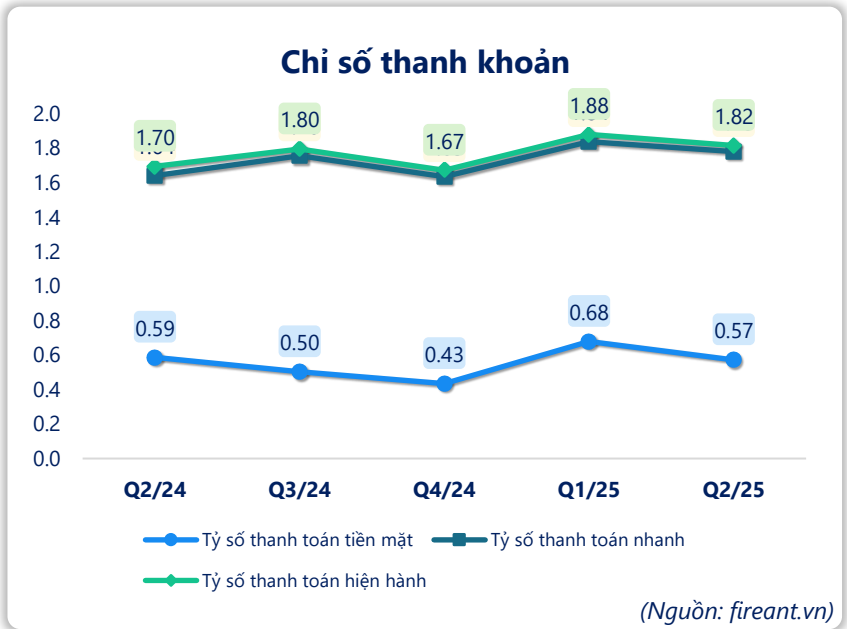
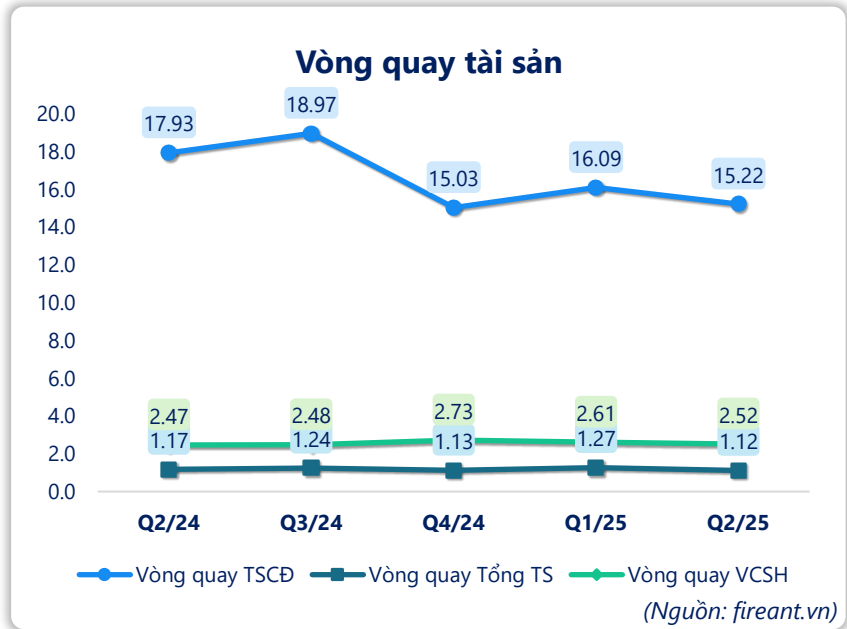
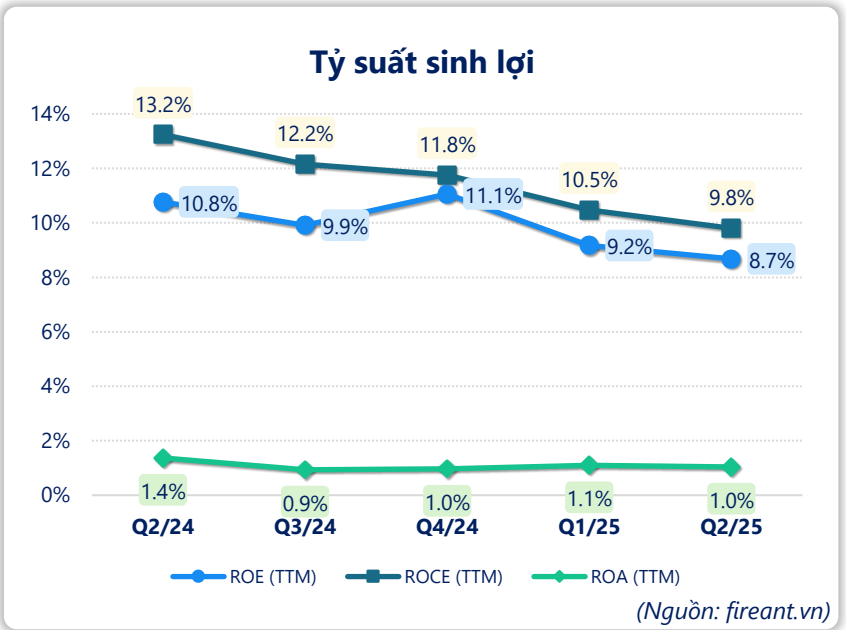
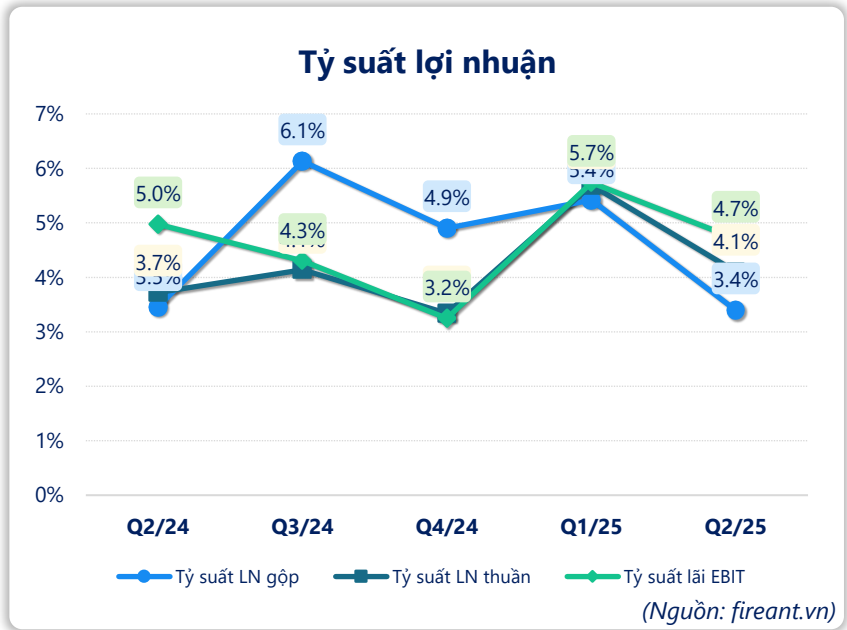
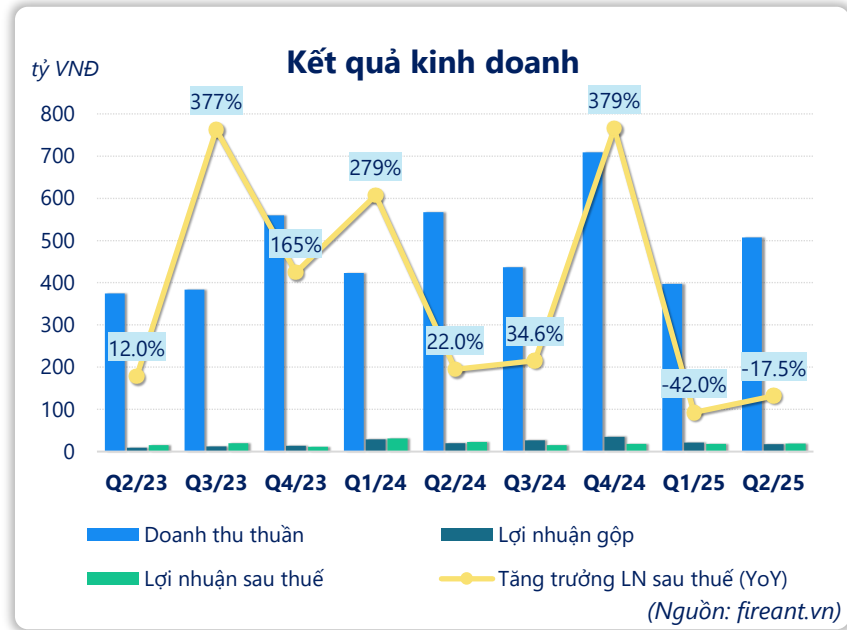


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,643
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,933
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,930
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		744
P/E		10.5
EPS		1,765

	YTD	1T	3T	6T
POS	10.7%	18.7%	-5.1%	6.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,842	2,199	-16.2%
Tài sản ngắn hạn	1,639	1,977	-17.1%
Tiền và tương đương tiền	517	517	-0.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	427	719	-40.6%
Phải thu ngắn hạn	646	695	-7.0%
Hàng tồn kho	32.2	44.5	-27.6%
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	1.34	1110%
Tài sản dài hạn	203	221	-8.4%
Phải thu dài hạn	0.01	2.01	-99.8%
Tài sản cố định	143	153	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.30	1.81	137%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	55.1	64.8	-15.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,019	1,401	-27.2%
Nợ ngắn hạn	903	1,215	-25.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	299	555	-46.2%
Nợ dài hạn	117	186	-37.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	822	798	3.0%
Vốn chủ sở hữu	822	798	3.0%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	567	437	709	397	507
Giá vốn hàng bán	548	410	674	376	490
Lợi nhuận gộp	19.6	26.8	34.7	21.5	17.2
Doanh thu HĐTC	11.7	5.98	16.3	10.7	13.3
Chi phí TC	0.85	7.17	-0.56	1.35	-0.22
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.34	0.46	0.43	1.76	0.82
Chi phí QLDN	9.01	7.04	27.6	6.50	9.11
LN thuần từ HĐKD	21.1	18.1	23.7	22.6	20.8
Lợi nhuận khác	7.10	0.71	-0.65	0.18	3.07
LN trước thuế	28.2	18.8	23.0	22.8	23.9
Lợi nhuận sau thuế	22.6	15.0	18.3	18.2	19.1
LNST của CĐ cty mẹ	22.6	15.0	18.3	18.2	19.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.1	120	197	-131	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	269	-248	-76.4	170	124
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-0.03	-39.7	-0.07	-0.13
Tiền đầu kỳ	249	565	435	517	557
Lưu chuyển tiền thuần	315	-128	80.5	38.8	-43.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.29	-1.88	2.11	0.73	2.96
Tiền cuối kỳ	565	435	517	557	517

(Nguồn: fireant.vn)